**1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 TOÁN – LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | | |  |
| **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | | **TNKQ** | **TL** | |  |
| Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn |  | |  | |  |  |  | 1  câu 3  1đ | |  |  | |  |
|  |  | Giải bài toán bằng cách lập phương trình |  | |  | |  |  |  | 1  câu 4  1đ | |  |  | |  |
| **2** | **Hàm số y = ax2**  **(a≠0) và đồ thị** | Vẽ đồ thị và tìm tọa độ giao điểm của (P) và (D) |  | |  | |  | 1  Câu 1  1.5đ |  |  | |  |  | | 25% |
|  | Bài toán áp dụng công thức hàm số |  | | 1  Câu 5  1đ | |  |  |  |  | |  |  | |
| **3** | ***Định lí Viète*** | Chứng tỏ phương trình có nghiệm |  |  | |  | | 1  Câu 2a  0,5đ |  | |  |  | |  | 15% |
| Tính tổng và tích hai nghiệm ,tính giá trị biểu thức không chưa tham số m |  |  | |  | | 1  Câu 2b  1đ |  | |  |  |  | |
| **4** | **Đường tròn** | *Tứ giác nội tiếp* |  | 1  câu 7a  1đ | |  | |  |  | |  |  |  | | 30% |
| Các loại góc của đường tròn: góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung |  |  | |  | | 1  câu 7b  1đ |  | |  |  | 1  câu 7c  1đ | |
| **5** | Các hình khối  trong thực tiễn | *Hình trụ. Hình nón. Hình*  *cầu* |  | | 1  câu 6  1đ | |  |  |  |  | |  |  | |  |
| **Tổng: Số câu**  **Điểm** | | |  | | 4  3đ | |  | 4  4đ |  | 2  2đ | |  | 1  1,0đ | | 10,0đ |
| **Tỉ lệ %** | | | 30% | | | | 40% | | 20% | | | 10% | | | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | | | 70% | | | | | | 30% | | | | | | 100% |

**1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐAI SỐ** | | | | | | | | |
| 1  2. | **Phương trình và hệ**  **phương trình**  ***Hàm số đổ thị*** | -Phương trình bậc hai một ẩn  -Phương trình quy về phương trình bậc hai một ẩn  -Giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình bậc nhất hai ẩn | ***Nhận biết:***Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn,công thức nghiệm phương trình bậc hai, điều kiện để phương trình có nghiệm | 1TL  (Câu 2a) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  –.Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản về căn thức bậc hai của biểu thức đại số |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn |  |  | 1TL  (Câu 3)  1TL  (Câu 4) |  |
| Hàm số y = ax2  (a ≠0) vàđồ thị | ***Nhận biết:***  Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số y = ax2 (a ≠0). |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Thiết lập được bảng giá trị của hàm số y = ax2  (a ≠0). – Vẽ được đồ thị của hàm số y = ax2 (a ≠0).  - Bài toán áp dụng công thức của hàm số bậc hai |  | 1TL  (Câu 1) |  |  |
| ***Vận dụng:***  Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số y = ax2 (a ≠0)và đồ thị (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...) |  |  | 1TL  (câu 5) |  |
| 3 | ***Định lí Viète*** |  | ***Nhận biết:*** Mối liên hệ giữa hệ số và nghiệm của phương trình bậc hai 1 ẩn |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:Á***p dụng định lý viet để tính giá trị biểu thức không chứa tham số m |  | 1TL  (câu 3b) |  |  |
| ***Vận dụng:***vận dụng định lý vi-et để tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng |  |  |  |  |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** | | | | | | | | |
| 1 | Đường tròn | Các loại góc của đường tròn: góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung  *Tứ giác nội tiếp* | ***Nhận biết:***  ***-***Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung  – Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn và giải thích được định lí về  tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180 | 1TL  (Câu 6a) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  Giải thích được mối liên hệ giữa số đo các góc với cung bị chắn |  | 1TL  (Câu6b) |  |  |
| ***Vận dụng:****V*ận dụng các định lý ***,*** tính chất của các loại góc , tứ giác nội tiếp để chứng minh các yếu tố liên quan đến đường tròn |  |  |  | 1TL  (Câu 6c) |
| 2 | Các hình khối  trong thực tiễn | *Hình trụ. Hình nón. Hình*  *cầu* | ***Nhận biết:***  - Mô tả (đường sinh, chiều cao, bán kính đáy), tạo lập được hình trụ.  – Mô tả (đỉnh, đường sinh, chiều cao, bán kính đáy), tạo lập được hình  nón.  – Mô tả (tâm, bán kính), tạo lập được hình cầu, mặt cầu. Nhận biết được  phần chung của mặt phẳng và hình cầu. | 1TL  (Câu 5) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  ***-*** Tính được diện tích xung quanh của hình trụ, hình nón, diện tích mặt cầu.  – Tính được thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:*** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung  quanh, thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu (ví dụ: tính thể tích hoặc  diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình trụ, hình  nón, hình cầu,...) |  |  |  |  |